

VILAS 746

Số: 359 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 07/10/2020
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Massan Brewery
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 135M₁01/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 28/09/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN01-1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------|------------|----------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Mùi, vị | - | SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012 | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ |
| 2 | pH (*) | - | TCVN6492:2011 | 6 - 8,5 | 7.07 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | TCVN6184:2008 | 2 | 0.13 |
| 4 | Màu sắc (*) | mg/l Pt | TCVN6185:2008 | 15 | KPH (LOQ= 4.92) |
| 5 | Clo Tổng số (*) | mg/l | TCVN 6225-3:2011 | 0,2 - 1 | 0.50 |
| 6 | Coliform (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 3 | KPH |
| 7 | E.Coli (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 1 | KPH |



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Vô Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 360 - 2020/KQ

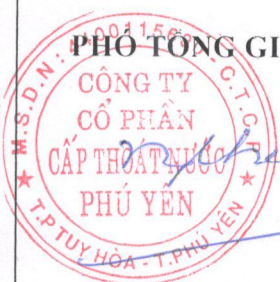
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 07/10/2020

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Điểm Giao dịch cấp nước An Phú
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 136M₁01/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 28/09/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN01-1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------|------------|----------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Mùi, vị | - | SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012 | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ |
| 2 | pH (*) | - | TCVN6492:2011 | 6 - 8,5 | 7,16 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | TCVN6184:2008 | 2 | 0,38 |
| 4 | Màu sắc (*) | mg/l Pt | TCVN6185:2008 | 15 | KPH (LOQ= 4,92) |
| 5 | Clo Tổng số (*) | mg/l | TCVN 6225-3:2011 | 0,2 - 1 | 0,25 |
| 6 | Coliform (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 3 | KPH |
| 7 | E.Coli (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 1 | KPH |



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

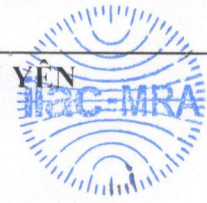
BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tân Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
 - (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
 - LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 361 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 07/10/2020
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu phố 3 - Phường Hòa Vinh, Thị xã Đông Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 139M₁01/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 29/09/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN01-1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------|------------|----------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Mùi, vị | - | SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012 | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ |
| 2 | pH (*) | - | TCVN6492:2011 | 6 - 8,5 | 6,99 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | TCVN6184:2008 | 2 | 0,14 |
| 4 | Màu sắc (*) | mg/l Pt | TCVN6185:2008 | 15 | KPH (LOQ= 4,92) |
| 5 | Clo Tổng số (*) | mg/l | TCVN 6225-3:2011 | 0,2 - 1 | 0,32 |
| 6 | Coliform (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 3 | KPH |
| 7 | E.Coli (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 1 | KPH |



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận
Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong
Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 362 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 07/10/2020
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 137B01/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 28/09/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN01-1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------|------------|----------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Mùi, vị | - | SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012 | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ |
| 2 | pH (*) | - | TCVN6492:2011 | 6 - 8,5 | 7,06 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | TCVN6184:2008 | 2 | 0,21 |
| 4 | Màu sắc (*) | mg/l Pt | TCVN6185:2008 | 15 | KPH (LOQ= 4,92) |
| 5 | Clo Tổng số (*) | mg/l | TCVN 6225-3:2011 | 0,2 - 1 | 0.82 |
| 6 | Coliform (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 3 | KPH |
| 7 | E.Coli (*) | MPN/ 100ml | TCVN6187-2:1996 | < 1 | KPH |



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử